

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-11-2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu.
2. Ông Nguyễn Chí Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 452/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: số 90 đường 18, khu dân cư N, ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh L. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-8-2019, bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T và ông Trần Hữu H tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Được gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh L vào ngày

17/12/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại xã T. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc được khoảng 4 năm, sau đó vợ chồng có sự bất đồng và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông H không tin tưởng và có thái độ không tôn trọng bà. Trong quá trình sống chung đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn và bà đã về nhà mẹ ruột sống, do ông H hứa thay đổi và năn nỉ nên bà quay về sống chung tạo điều kiện cho ông H thay đổi. Tuy nhiên, sau khi quay về sống chung thì mâu thuẫn hai bên không được cải thiện mà càng trầm trọng hơn, ngày 17/8/2019 ông H đánh bà nên bà đã về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hữu H.

Quá trình sống chung ông bà có hai con chung tên Trần Huỳnh Bảo N sinh ngày 12/11/2014 hiện đang học lớp Lá và Trần Huỳnh Gia H sinh ngày 12/7/2016 mới cho theo học lớp Mầm tại Trường mầm non Tuổi Thần Tiên tại khu dân cư N, xã A. Hiện nay hai con chung đang sống chung với bà T và trường học hai con đang học gần với nhà của mẹ bà T.

Bà đang làm công nhân tại Công ty TNHH T, mức lương hàng tháng trên 8 triệu đồng nếu có tăng ca. Hiện bà đang sống chung với mẹ ruột, mẹ bà mới 61 tuổi, làm nghề tự do nên còn có điều kiện phụ bà chăm sóc hai con chung. Cha mẹ ông H còn phải giữ 2 cháu ngoại là con của em gái ông H nên không có đủ điều kiện chăm sóc con của ông bà. Do đó, bà không đồng ý giao con cho ông H nuôi. Bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng/con từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản hoà giải ngày 16/9/2019, bị đơn ông Trần Hữu H trình bày:*

Ông thống nhất về quá trình kết hôn và con chung như bà T trình bày. Tuy nhiên, về mâu thuẫn gia đình thì ông không thống nhất. Vợ chồng mâu thuẫn không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Ông thừa nhận do bà T có đôi lúc hỗn hào nên trong lúc nóng giận ông đã đánh bà T một vài bạt tai. Nhưng sau khi đánh xong ông đã rất hối hận và đã năn nỉ, xin lỗi bà T nhiều lần nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Thấy rằng, cuộc sống hôn nhân phải xuất phát từ hai phía nhưng bà T đã không có ý định hàn gắn thì cuộc sống chung không thể tiếp tục. Do đó, ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung tên Trần Huỳnh Bảo N sinh ngày 12/11/2014 và Trần Huỳnh Gia H sinh ngày 12/7/2016. Từ khi vợ chồng còn

sống chung thì con gái đã học tại Trường Mầm non Tuổi Thần Tiên, bình thường ông về sớm hơn nên ông là người rước con.

Hiện nay ông đang làm công nhân tại Công ty cơ khí T, khu công nghiệp P, mức lương ổn định mỗi tháng 7,5 triệu đến 8,5 triệu đồng/tháng, ngoài ra ông còn nhận làm công việc tại nhà vào mỗi buổi tối. Cha mẹ ông còn trẻ, có thể phụ giúp ông trông con trong những lúc ông bận công việc. Do đó, ông đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không thể nuôi hai con thì yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Gia H sinh ngày 12/7/2016 và bà T nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Bảo N sinh ngày 12/11/2014. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu H. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” và thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Bị đơn Trần Hữu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn

[3] Về nội dung:

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị T và ông Trần Hữu H là hợp pháp. Bà yêu cầu ly hôn với ông H, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà Thanh. Do đó, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[5] Về con chung: Giữa bà T và ông H có 02 con chung tên Trần Huỳnh Bảo N sinh ngày 12/11/2014 và Trần Huỳnh Gia H sinh ngày 12/7/2016, hiện nay con chung đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ/con. Ông H yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không thể nuôi hai con thì yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Gia H sinh ngày 12/7/2016 và bà T nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Bảo N sinh ngày 12/11/2014. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cả bà T và ông H đều đi làm, nếu giành quyền nuôi con cũng phải nhờ đến ông bà chăm sóc cháu. Hiện nay ông H sống chung với cha mẹ nhưng cha mẹ ông phải dành thời gian chăm sóc 02 cháu ngoại nên nếu giao con cho ông H thì

ông bà cũng ít thời gian để chăm sóc cho hai cháu hơn. Ông H đi làm thường xuyên tăng ca, ngoài ra còn nhận thêm công việc tại nhà nên ít khi có thời gian rảnh chăm sóc con. Trong khi bà T sống chung với mẹ, mẹ bà còn khoẻ và làm công việc tự do nên có nhiều thời gian phụ giúp bà T chăm sóc cháu, công việc bà T cũng ít tăng ca, có nhiều thời gian chăm sóc cho con hơn ông H. Hơn nữa, cháu Ngọc chỉ mới 6 tuổi lại là con gái nên có những vấn đề tâm sinh lý cần có mẹ bên cạnh chỉ bảo, cháu Hưng chỉ mới 3 tuổi, còn quá nhỏ nên cần có người lớn chăm sóc. Nếu giao con chung cho ông H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện sống để phát triển tâm, sinh lý bằng giao cho cho bà T nuôi dưỡng. Hiện nay hai cháu học tại trường Mầm non Tuổi Thần Tiên gần với nhà bà T đang ở sẽ thuận tiện cho việc học tập của các cháu. Ông H yêu cầu mỗi người nuôi một con chung nhưng các cháu sống chung với nhau đã quen môi trường, nếu tách bé ra sống riêng sẽ ảnh hưởng đến việc phát triển tâm lý của trẻ. Từ những lý do trên, thấy rằng để đảm bảo điều kiện sống của con và đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần thì việc giao cả hai con chung cho bà T nuôi dưỡng là tốt nhất.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được pháp luật quy định nên ông H không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông H xác định lương của ông mỗi tháng ổn định từ 7.500.000đ đến 8.000.000 đồng, ngoài ra ông còn làm thêm công việc tại nhà nên mức lương mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Do đó, bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ/con/tháng là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về tài sản chung: Bà T và ông H đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Toà án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[9] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

[10] Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Hữu H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trần Hữu H.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Huỳnh Bảo N sinh ngày 12/11/2014 và Trần Huỳnh Gia H sinh ngày 12/7/2016 cho bà Huỳnh Thị T nuôi dưỡng. Ông Trần Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tính từ tháng 11/2019.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001256 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Hữu H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Bà T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã T (số CNKH 104 ngày 17/12/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Hồ Thị Miên